

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM

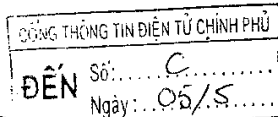
Số: 07/2015/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Nam, ngày 27 tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trông giữ
xe đạp, xe máy, ô tô trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20/11/2012;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và Lệ phí ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ
về quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và Lệ phí và Nghị định số
24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số
điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ
quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ
phí, hóa đơn;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài
chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí và Thông
tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung
Thông tư số 63/2002/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 186/2013/TT-BTC ngày 05/12/2013 của Bộ Tài
chính hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý
phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 15/2003/TT-BTC ngày 07/3/2003 của Bộ Tài
chính hướng dẫn về phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô bị tạm giữ do vi phạm
pháp luật về trật tự an toàn giao thông;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài
chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng
nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của Hội
đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, kỳ họp thứ 12 về ban hành mới, sửa đổi, bổ
sung một số loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Quảng Nam;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 154/TTr-STC ngày
19/3/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trông giữ xe
đạp, xe máy, ô tô trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, với các nội dung chính sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô (sau đây gọi là phương tiện) đối với:

a) Người sử dụng phương tiện có nhu cầu trông giữ tại các điểm đỗ, bãi trông giữ (gồm các điểm đỗ, bãi trông giữ do Nhà nước đầu tư và các điểm đỗ, bãi trông giữ không do Nhà nước đầu tư) phù hợp với quy hoạch và quy định về kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị của địa phương (sau đây gọi chung là giữ phương tiện thông thường).

b) Người sử dụng phương tiện bị tạm giữ do vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông (sau đây gọi chung là giữ phương tiện vi phạm trật tự giao thông).

2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng nộp phí:

- Các tổ chức, cá nhân được cung ứng dịch vụ trông giữ phương tiện thông thường.

- Người sử dụng phương tiện vi phạm pháp luật về trật tự giao thông bị tạm giữ phương tiện.

b) Đơn vị thu phí:

- Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ trông giữ phương tiện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

- Các cơ quan, đơn vị được cấp có thẩm quyền cho phép tổ chức thực hiện trông giữ phương tiện theo quy định.

- Đơn vị được giao tạm giữ phương tiện vi phạm trật tự giao thông.

3. Một số quy định chung:

a) Một lượt phương tiện là một lần phương tiện vào và ra điểm trông giữ phương tiện.

b) Thời gian ban ngày là từ 6 giờ đến 18 giờ; thời gian ban đêm là từ sau 18 giờ ngày hôm trước đến trước 6 giờ sáng hôm sau.

c) Các điểm, bãi trông giữ phương tiện thuộc khu vực thành thị là các điểm, bãi trông giữ trên địa bàn phường, thị trấn; các điểm, bãi trông giữ phương tiện thuộc khu vực nông thôn là các điểm, bãi trông giữ trên địa bàn các xã còn lại.

d) Xử lý đối với các trường hợp phương tiện bị tạm giữ:

- Trường hợp, phương tiện vi phạm trật tự giao thông bị tạm giữ, nhưng sau đó xác định người sử dụng phương tiện không có lỗi trong việc vi phạm pháp luật về trật tự an toàn giao thông thì người sử dụng phương tiện không phải nộp phí trông giữ. Nếu, người sử dụng phương tiện đã nộp phí thì đơn vị thu phí phải hoàn trả lại tiền phí cho người sử dụng phương tiện.

- Thời gian tạm giữ phương tiện theo ngày được quy định là 24 giờ; trường hợp, phương tiện được trả trong ngày thì được coi là một ngày trông giữ.

4. Mức thu phí

a) Mức thu phí trông giữ phương tiện thông thường tại các điểm đỗ, bãi trông giữ công cộng do Nhà nước đầu tư, gồm:

- Mức thu ban ngày:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
1	Đối với các điểm, bãi trông giữ phương tiện tại các bệnh viện, trường học, chợ, trung tâm thương mại		
1.1	Thuộc khu vực đô thị		
a	Xe đạp, xe đạp điện	đồng/lượt/xe	1.000
b	Xe máy, xe mô tô	đồng/lượt/xe	2.000
c	Ô tô các loại		
	- Xe ô tô chở người dưới 15 chỗ ngồi, ô tô tải có trọng tải dưới 3,5 tấn	đồng/lượt/xe	10.000
	- Xe ô tô chở người từ 15 chỗ ngồi trở lên, ô tô tải có trọng tải từ 3,5 tấn trở lên	đồng/lượt/xe	15.000
1.2	Thuộc khu vực nông thôn		
a	Xe đạp, xe đạp điện	đồng/lượt/xe	500
b	Xe máy	đồng/lượt/xe	1.000
c	Ô tô các loại		
	- Xe ô tô chở người dưới 15 chỗ ngồi, ô tô tải có trọng tải dưới 3,5 tấn	đồng/lượt/xe	8.000
	- Xe ô tô chở người từ 15 chỗ ngồi trở lên, ô tô tải có trọng tải từ 3,5 tấn trở lên	đồng/lượt/xe	10.000
2	Đối với các điểm, bãi trông giữ xe tại các điểm tham quan; các điểm tổ chức lễ hội, hội chợ, khu du lịch		
a	Xe đạp, xe đạp điện	đồng/lượt/xe	2.000
b	Xe máy	đồng/lượt/xe	4.000
c	Ô tô các loại		
	- Xe ô tô chở người dưới 15 chỗ ngồi	đồng/lượt/xe	20.000
	- Xe ô tô chở người từ 15 đến 30 chỗ ngồi	đồng/lượt/xe	30.000
	- Xe ô tô chở người từ 31 chỗ ngồi trở lên	đồng/lượt/xe	40.000

- Mức thu phí ban đêm: Bằng 1,5 lần mức thu phí ban ngày nêu trên; mức thu phí cả ngày và đêm tối đa bằng mức thu phí ban ngày cộng với mức thu phí ban đêm.

- Trường hợp, thu phí theo tháng, mức thu bằng 40 (bốn mươi) lần mức thu phí ban ngày theo quy định nêu trên.

- Đối với các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện do Nhà nước đầu tư, nhưng đã chuyển giao cho tổ chức, cá nhân thuê quản lý thì mức thu phí vẫn thực hiện theo mức thu phí tại các điểm đỗ, bãi trông giữ công cộng do Nhà nước đầu tư theo quy định tại các điểm a nêu trên.

- Mức thu phí trông giữ phương tiện thông thường tại các điểm đỗ, bãi trông giữ không do Nhà nước đầu tư bằng 1,5 lần mức thu phí quy định đối với các điểm đỗ, bãi trông giữ công cộng do Nhà nước đầu tư theo quy định tại các điểm a nêu trên.

b) Mức thu phí trông giữ phương tiện vi phạm trật tự giao thông:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu
1	Xe đạp các loại	đồng/xe/ngày	4.000
2	Xe máy các loại, xe xích lô, xe ba gác	đồng/xe/ngày	6.000
	Xe ô tô chở người	đồng/xe/ngày	
3	Xe ô tô dưới 15 chỗ ngồi	đồng/xe/ngày	30.000
4	Xe ô tô từ 15 chỗ ngồi đến 30 chỗ ngồi	đồng/xe/ngày	45.000
5	Xe ô tô trên 30 chỗ ngồi trở lên	đồng/xe/ngày	60.000
	Xe ô tô chở hàng hoá	đồng/xe/ngày	
6	Xe ô tô chở hàng hoá có trọng tải dưới 3,5 tấn	đồng/xe/ngày	20.000
7	Xe ô tô chở hàng hoá có trọng tải trên 3,5 tấn	đồng/xe/ngày	30.000
8	Xe máy chuyên dùng (gồm: xe máy thi công, xe máy nông nghiệp, lâm nghiệp và các loại xe tương tự)	đồng/xe/ngày	50.000

5. Chứng từ thu phí:

a) Trường hợp, phí thuộc ngân sách Nhà nước: Sử dụng biên lai thu phí do cơ quan Thuế phát hành hoặc tự in, đặt in theo quy định tại Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17/9/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách Nhà nước.

b) Trường hợp, phí không thuộc ngân sách Nhà nước: Sử dụng hóa đơn theo quy định của Bộ Tài chính hướng dẫn về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

6. Quản lý và sử dụng phí:

a) Đối với trông giữ phương tiện thông thường:

- Phí trông giữ phương tiện thông thường tại các điểm đỗ, bãi trông giữ công cộng do Nhà nước đầu tư là phí thuộc ngân sách Nhà nước và được quản lý sử dụng như sau:

+ Trường hợp cơ quan, đơn vị thu phí đã được ngân sách Nhà nước đảm bảo kinh phí cho hoạt động thu phí theo dự toán hàng năm thì phải nộp 100% số phí thu được vào ngân sách các cấp tương ứng.

+ Trường hợp cơ quan, đơn vị thu phí chưa được ngân sách Nhà nước đảm bảo kinh phí cho hoạt động thu phí thì được để lại **80%** trên tổng số tiền phí thu được, để trang trải cho việc thu phí, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa

lớn điểm đỗ, bãi trông giữ; còn lại 20% nộp ngân sách theo phân cấp hiện hành.

- Phí trông giữ phương tiện thông thường tại các điểm đỗ, bãi trông giữ xe không do Nhà nước đầu tư hoặc do Nhà nước đầu tư, nhưng đã chuyển giao cho tổ chức, cá nhân thuê quản lý, tổ chức trông giữ là khoản thu không thuộc ngân sách Nhà nước và được quản lý sử dụng như sau:

+ Đối với các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện không do Nhà nước đầu tư: Số phí thu được là doanh thu của doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Các doanh nghiệp, hộ kinh doanh có trách nhiệm quản lý, sử dụng số phí thu được theo quy định hiện hành về phí, lệ phí và hạch toán, kê khai để thực hiện các nghĩa vụ về thuế với cơ quan Thuế theo quy định.

+ Đối với các điểm đỗ, bãi trông giữ phương tiện do Nhà nước đầu tư, nhưng đã chuyển giao cho tổ chức, cá nhân thuê quản lý, tổ chức trông giữ: Tổ chức, cá nhân được Nhà nước cho thuê điểm trông giữ nộp một lần tiền thuê cho đơn vị cho thuê; đơn vị cho thuê trích nộp 20% nộp vào ngân sách theo phân cấp hiện hành; 80% để lại cho đơn vị và là khoản thu dịch vụ của đơn vị cho thuê. Đơn vị cho thuê có trách nhiệm quản lý, sử dụng số phí được để lại theo quy định hiện hành về phí, lệ phí; thực hiện nghĩa vụ về thuế với cơ quan Thuế; quản lý, sử dụng số tiền phí sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về thuế đúng quy định (kể cả trích khấu hao tài sản).

b) Đối với trông giữ phương tiện vi phạm trật tự giao thông: Phí trông giữ phương tiện vi phạm trật tự giao thông do đơn vị của người ra quyết định tạm giữ phương tiện thu là phí thuộc ngân sách Nhà nước. Cơ quan thu được để lại 70% trên tổng số phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí, chi cho lực lượng trực tiếp tham gia công tác xử lý phương tiện vi phạm, sửa chữa kho bãi phục vụ việc tạm giữ; số phí còn lại 30% nộp vào ngân sách Nhà nước theo phân cấp hiện hành.

7. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, địa phương, đơn vị:

a) Trách nhiệm của các đơn vị thu phí:

- Tổ chức thu, nộp phí theo đúng quy định; niêm yết hoặc thông báo công khai mức thu phí tại các địa điểm thu phí; phải lập và cung cấp biên lai thu phí cho đối tượng nộp phí theo đúng quy định hiện hành về chế độ phát hành, quản lý và sử dụng ấn chỉ thuế.

- Mở sổ sách kế toán để theo dõi, ghi chép, hạch toán số liệu thu, nộp, quản lý và sử dụng số tiền phí thu được theo chế độ kế toán hiện hành; đăng ký, kê khai, thu, nộp phí và thực hiện nghĩa vụ thuế với cơ quan Thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế.

- Quản lý, sử dụng số phí được trích để lại theo quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC.

- Hằng năm, thực hiện quyết toán việc sử dụng biên lai thu phí, số tiền phí thu được, số tiền phí để lại cho đơn vị, số tiền phí phải nộp ngân sách, số tiền phí đã nộp và số tiền phí còn phải nộp ngân sách Nhà nước với cơ quan Thuế trực tiếp quản lý và cơ quan tài chính cùng cấp.

b) Trách nhiệm của cơ quan Thuế:

- Hướng dẫn, đôn đốc đơn vị thu phí thực hiện việc kê khai, thu, nộp, mở sổ sách, chứng từ kế toán và quyết toán phí theo đúng pháp luật về phí, lệ phí, thuế và các quy định chi tiết tại quyết định này.

- Kiểm tra, thanh tra việc kê khai, thu, nộp và quyết toán phí; xử lý vi phạm về thực hiện chế độ đăng ký, kê khai, nộp phí vào ngân sách Nhà nước, chế độ mở sổ sách kế toán, quản lý, sử dụng và lưu giữ chứng từ.

c) Kho bạc Nhà nước tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện nộp số phí còn lại (sau khi trừ đi số phí trích để lại cho đơn vị thu) vào ngân sách địa phương theo quy định hiện hành về phân cấp nguồn thu ngân sách Nhà nước.

d) Sở Tài chính thường xuyên phối hợp với các địa phương, Sở, ngành liên quan kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm và theo dõi tổng hợp, báo cáo trình UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tế trên địa bàn và khi có sự thay đổi của các Bộ, ngành Trung ương.

đ) UBND các huyện, thị xã, thành phố:

- Chỉ đạo tăng cường công tác tuyên truyền để các tổ chức, cá nhân chấp hành tốt các quy định của Nhà nước về đăng ký và thực hiện phí trông giữ phương tiện.

- Kiên quyết giải tỏa các điểm trông giữ phương tiện không phép, sai quy định, vi phạm an toàn giao thông và vi phạm quy định về phí trên địa bàn.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan tăng cường kiểm tra, thanh tra thường xuyên, thực hiện kiểm tra đột xuất các đơn vị trông giữ phương tiện, xử lý nghiêm các vi phạm theo thẩm quyền.

e) Các Sở, ngành: Y tế, Công thương, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công an tỉnh: Phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện kiểm tra việc chấp hành các quy định về trông giữ phương tiện, xử lý nghiêm đối với các cơ quan, đơn vị, cá nhân để xảy ra vi phạm về thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trông giữ phương tiện.

8. Xử lý vi phạm: Các trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá, phí, lệ phí, hóa đơn và Thông tư số 186/2013/TT-BTC ngày 05/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý phí, lệ phí.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 34/2004/QĐ-UB ngày 04/6/2004 của UBND tỉnh Quảng Nam.

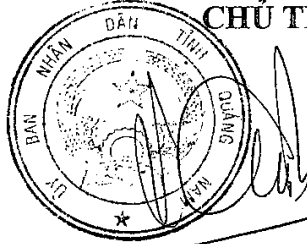
Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Tư pháp, Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Công an tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /...*Qu*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website Chính phủ;
- Bộ TC (b/c);
- Cục KTVB -Bộ Tư pháp;
- FTTU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các VP: TU, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Báo Q.Nam, Đài PTTH Q. Nam;
- CPVP;
- TT Tin học và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NC, VX, KTN, KTTH (Mý).

(D:\Mý\QuyếtđịnhPQ2005\QD phí trông giữ xe đạp, xe máy 2015.doc)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Thu